

**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN
TỪNG HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ THEO LĨNH VỰC NĂM 2022**

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng.

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	I. Thu nội địa	Bao gồm										
				1. Thu từ doanh nghiệp Nhà nước ĐP	2. Thu từ công thương nghiệp ngoài quốc doanh	3. Thu lệ phí trước bạ	4. Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	5. Thu thuế thu nhập cá nhân	6. Thuế bảo vệ môi trường	7. Thu phí, lệ phí	8. Tiền sử dụng đất	9. Thu tiền thuê đất	10. Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	11. Thu khác ngân sách
A	B	1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
TỔNG SỐ		3,921,000	3,921,000	23,500	965,000	510,000	8,000	330,500	12,000	80,000	1,730,000	114,000	48,000	100,000
1	Thành phố Đồng Xoài	778,000	778,000	5,000	200,000	130,800	4,000	69,500	11,000	12,200	310,000	16,000	4,600	14,900
2	Thị xã Bình Long	351,000	351,000	2,300	152,000	27,000	200	22,000	-	15,000	120,000	5,500	-	7,000
3	Thị xã Phước Long	232,000	232,000	900	66,000	35,000	700	21,000	-	6,500	90,000	3,000	100	8,800
4	Huyện Đồng Phú	372,000	372,000	4,000	70,000	65,000	700	47,000	1,000	8,800	140,000	16,500	10,000	9,000
5	Huyện Lộc Ninh	390,000	390,000	1,800	123,000	32,000	400	31,000	-	6,900	150,000	15,000	19,500	10,400
6	Huyện Bù Đốp	158,000	158,000	700	66,000	18,000	100	12,000	-	3,700	50,000	3,000	-	4,500
7	Huyện Bù Đăng	180,000	180,000	500	33,000	29,000	-	20,000	-	5,700	75,000	10,000	-	6,800
8	Huyện Chơn Thành	818,000	818,000	4,000	141,000	92,000	1,500	48,300	-	8,000	500,000	4,000	200	19,000
9	Huyện Hớn Quản	269,000	269,000	2,500	65,000	32,000	300	20,000	-	5,500	100,000	23,000	12,700	8,000
10	Huyện Bù Gia Mập	121,000	121,000	800	33,000	16,000	-	13,000	-	3,700	45,000	3,000	700	5,800
11	Huyện Phú Riềng	252,000	252,000	1,000	16,000	33,200	100	26,700	-	4,000	150,000	15,000	200	5,800